

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 19 /NQ-HĐQT

Đông Triều, ngày 30 tháng 09 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2017;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều;

Ngày 17/06/2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Cùng với Luật Chứng khoán 2019 cũng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo nên khung hành lang pháp lý chặt chẽ hơn, có nhiều điểm mới về khuôn khổ quản trị công ty, đặc biệt là đối với công ty đại chúng.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị xét thấy một số điều khoản tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 03 năm 2017 cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua một số nội dung đề xuất điều chỉnh trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều theo quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC, cụ thể theo phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2: Giao Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban và cá nhân có liên quan tiếp tục tham chiếu và hoàn thiện Điều lệ sửa đổi để Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban liên quan chịu



trách nhiệm thi hành các nội dung nêu trong nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ NICH



Trần Hồng Quang



PHỤ LỤC

ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Các nội dung cần sửa đổi tại Điều lệ hiện hành là nội dung được gạch chân.
- Các nội dung đề xuất sửa đổi theo quy định pháp luật hiện hành là nội dung được in đậm.

Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Giải thích	Cơ sở pháp lý
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 11. Quyền của cổ đông		
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: ... (Các điểm a,b,c,d,đ tại Khoản này giữ nguyên)	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: ... (Các điểm a,b,c,d,đ tại Khoản này giữ nguyên)	Bỏ yêu cầu nắm giữ liên tục từ 06 tháng trở lên đối với nhóm cổ đông này	Căn cứ theo Khoản 2, Điều 115, Luật Doanh nghiệp Và khoản 2 điều 12 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề	Sửa đổi điểm m Khoản 2 về tỷ lệ của tài sản và giao dịch	Căn cứ theo Điểm d, Khoản 2, Điều 138, Luật

<p>vấn đề sau:</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	<p>sau:</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p>	<p>mua trên tổng giá trị tài sản</p>	<p>Doanh nghiệp và Điểm d Khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>o. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>... (Các điểm khác tại Khoản này giữ nguyên)</p>	<p>Bổ điểm này (Các điểm khác tại Khoản này giữ nguyên)</p>	<p>Bổ quy định tại điểm o Khoản 2 do Luật hiện hành quy định việc Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Giám đốc</p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>... (Các điểm khác tại Khoản này giữ nguyên)</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>... (Các điểm khác tại Khoản này giữ nguyên)</p>	<p>Bổ quy định về việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bắt buộc phải theo mẫu ban hành của công ty</p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua ...</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p> <p>...</p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ thông qua các nội dung liên quan đến cổ phần ưu đãi và cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi theo quy định hiện hành</p>	<p>Căn cứ Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Yhông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p>	<p>Điều chỉnh thời hạn gửi thông báo mời họp cho cổ đông tính từ ngày chốt danh sách cổ đông</p>	<p>Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p>	<p>Điều chỉnh thời hạn gửi thông báo mời họp cho cổ đông tính đến ngày họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Căn cứ khoản 1 điều 143 Luật doanh nghiệp Căn cứ khoản 3 điều 18 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một [21] ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn</p>		

<p>nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>đến toàn bộ tài liệu hợp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	
<p>5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05 % cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p>	<p>5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp hợp sau:</p> <p>...</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p>	<p>Căn cứ theo Khoản 2, Điều 115, Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>...</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho hơn 50% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>...</p>	<p>Điều chỉnh tỷ lệ tiến hành cuộc họp theo quy định tối thiểu của Luật doanh nghiệp 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên</p>	<p>Căn cứ điều 148, Luật doanh nghiệp Căn cứ theo điều 21 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

nhệm Giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng có
đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung
Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu
được chào bán, việc tổ chức lại hay giải
thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài
sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện
có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản
của Công ty tính theo Báo cáo tài chính
gần nhất được kiểm toán được thông qua
khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu
các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt
trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy
quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông
(trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp)
hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các
cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận
(đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông
bằng văn bản)

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn

	<p>15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>		
<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>		<p>Căn cứ điều 154 và điều 155, Luật doanh nghiệp</p> <p>Căn cứ theo khoản 1,2 điều 26 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng</u></p>	<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty</p>	<p>Bổ sung quy định về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ số lượng</p>	<p>Căn cứ Điều 154 và Điều 155, Luật Doanh nghiệp, Điều 276 Nghị định</p>

<p>quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng hành, Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên độc lập của Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	<p>thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT độc lập</p>	<p>155/2020/ND-CP và khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>3. Các cổ đông có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Bộ quy định về nắm giữ cổ phần liên tục trong 06 tháng đối với nhóm cổ đông này</p>	<p>Căn cứ theo Khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>		<p>Bổ quy định này</p>	<p>Bổ nội dung này do việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Việc bổ nhiệm, thay thế trong trường hợp này được quy định lại tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.</p>	<p>Căn cứ theo điểm c khoản 2 điều 138 và khoản 3 điều 154 Luật doanh nghiệp Căn cứ theo điểm c khoản 1 điều 15 và khoản 2 điều 26 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</p>				
<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p>				
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, đồng thời không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>				<p>Căn cứ theo Điều 168 và Điều 169 Luật doanh nghiệp và Khoản 1, 2 Điều 37 Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>			<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, đồng thời không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội</p>	

	<p>đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p>	
<p>Ban kiểm soát phải chi định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>2. Ban kiểm soát phải chi định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Chỉnh sửa và bổ sung Tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban Kiểm soát</p>
		<p>Căn cứ theo Khoản 2 Điều 168 Luật doanh nghiệp và theo khoản 1 Điều 38 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỆU

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Hồng Quang